

ĐIỂM NHẤN

Quỹ VNM ETF

- *Kịch bản 1: Quỹ thêm vào DXG với tỷ trọng 1% và không loại bất cứ mã nào của Việt Nam với tỷ trọng giữ nguyên so với kỳ cơ cấu trước là 72.4%*
- *Kịch bản 2: Quỹ thêm vào DXG và VRE với tỷ trọng lần lượt là 1% và 3% và không loại cổ phiếu nào với tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam được giữ nguyên so với kỳ cơ cấu trước là 72.4%*

Quỹ FTSE Vietnam

- *Thêm mới: VRE được thêm vào trong kỳ review tới của FTSE Việt Nam index với tỷ trọng được thêm vào được dự báo là 6%, tương đương giá trị mua vào khoảng 20 triệu USD*
- *Ở chiều ngược lại, GTN bị loại ra do không đáp ứng về kiện kiện thanh khoản và vốn hóa. Đồng thời, FLC cũng sẽ có nguy cơ bị loại khi không đáp ứng về tỷ trọng vốn hóa đầu tư được (0,5% so với rổ).*

Lịch công bố danh mục mới và tái cơ cấu của các quỹ ETF

Ngày Công bố danh mục mới:

- *Quỹ FTSE: 02/03*
- *Quỹ VNM: 09/03*

Ngày thực hiện tái cơ cấu danh mục của 2 quỹ: 16/03

Bạch An Viễn

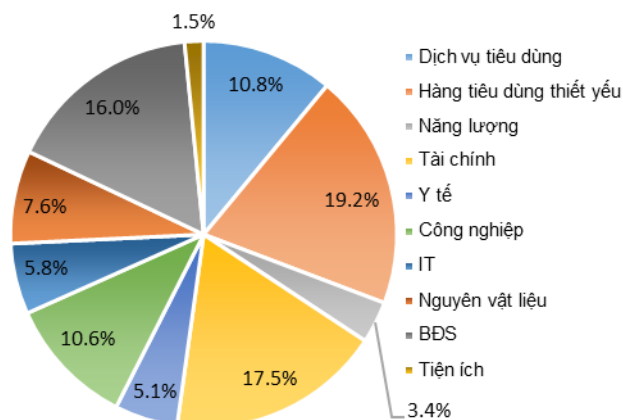
Trưởng phòng phân tích
vien.ba@kisvn.vn

Nguyễn Đăng Huy

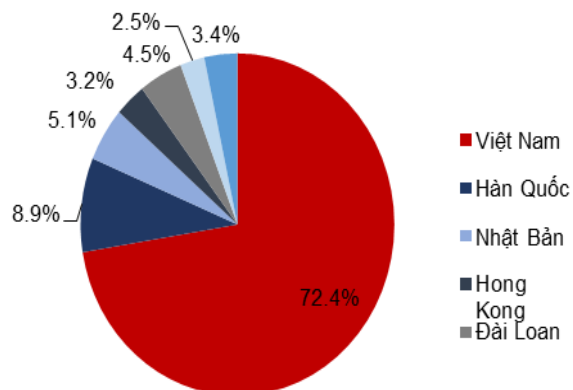
Chuyên viên Phân tích Vĩ Mô
huy.nd@kisvn.vn

I. VanEck Vectors Vietnam ETF (VNM ETF)

Hình 1: Tỷ trọng danh mục theo nhóm ngành



Hình 2: Tỷ trọng danh mục theo quốc gia



Nguồn: Bloomberg, KISV Research

Với số liệu được cập nhật đến ngày 23/2, chúng tôi tính toán được có 6 cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện để được lựa chọn vào chỉ số, bao gồm: DXG, PDR, LDG, CII, VRE và HBC. Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF hiện có tổng tài sản 429 triệu USD với 2 loại cổ phiếu thành phần, trong đó có 18 cổ phiếu Việt Nam và 8 cổ phiếu nước ngoài. Dựa vào những diễn biến trong những lần cơ cấu danh mục gần đây cùng với các tiêu chí của quỹ, chúng tôi kỳ vọng vào 2 kịch bản có thể xảy ra:

Kịch bản 1: Quỹ thêm vào DXG và không loại bất cứ mã nào của Việt Nam

Trong số 6 cổ phiếu thỏa mãn điều kiện được thêm vào rổ trong đợt cơ cấu này, LDG sẽ không được thêm vào chỉ số do chưa lọt vào top 85% về giá trị vốn hóa của rổ và HBC vừa bị loại ở kỳ review trước. Qua đó, chúng tôi đánh giá cao khả năng DXG sẽ là cổ phiếu được lựa chọn với tỷ trọng 1%, tương ứng gần 2 triệu cổ phiếu. Hiện tại, cổ phiếu này đáp ứng đầy đủ các điều kiện như mức vốn hóa gần 443 triệu USD, tỷ lệ Free Float và room cho khối ngoại lần lượt là 75% và 11%. Bên cạnh đó, nền tảng kinh doanh tích cực cùng với quy mô vốn hóa cao hơn là yếu tố chính giúp DXG được đánh giá cao hơn các cổ phiếu còn lại khác. Ở kịch bản này, chúng tôi đánh giá VRE sẽ không được thêm vào do điều kiện thời gian niêm yết.

Ngoài ra, trong trường hợp có cổ phiếu nào đó (cổ phiếu nước ngoài hoặc Việt Nam) bị loại ra thì thứ tự các cổ phiếu được ưu tiên tiếp theo được kỳ vọng là CII và PDR. Đồng thời, cơ cấu danh mục của quỹ vẫn đảm bảo tỷ trọng của cổ phiếu Việt Nam là 72.4% như kỳ review trước.

Bên cạnh đó, cổ phiếu VIC sẽ bị bán ra để duy trì tỷ trọng tối đa là 8%. Thay vào đó, quỹ cũng sẽ thực hiện mua vào ở các cổ phiếu còn lại trong danh mục để đáp ứng đủ tỷ trọng. Theo đó, danh mục được dự báo sẽ thay đổi như sau:

#	Mã CK	SLCP đang nắm giữ	Giá trị thị trường (USD)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Tăng/ giảm tỷ trọng	Tăng/ giảm giá trị (USD)	Tăng/ giảm SLCP
1	VIC	9,234,712	36,797,354	8.56%	8.00%	-0.6%	(1,741,548)	(432,098)
2	NVL	8,964,560	31,852,767	7.41%	7.50%	0.1%	282,172	78,206
3	VNM	3,457,090	30,595,063	7.12%	7.50%	0.4%	1,192,785	134,200
4	MSN	7,468,240	28,936,473	6.73%	6.75%	0.0%	59,205	14,984
5	VCB	9,655,542	28,398,648	6.61%	6.31%	-0.3%	(920,937)	(293,139)
6	ROS	3,908,988	24,422,571	5.68%	5.50%	-0.2%	(563,349)	(89,973)
7	HPG	8,019,958	20,798,502	4.84%	4.85%	0.0%	37,391	13,795
8	SSI	13,236,781	20,048,667	4.66%	4.50%	-0.2%	(509,115)	(328,712)
9	BVH	4,397,126	15,488,292	3.60%	3.50%	-0.1%	(319,872)	(85,728)
10	STB	15,893,322	11,266,400	2.62%	2.62%	0.0%	(2,189)	(3,024)
11	VCG	10,380,997	10,878,288	2.53%	2.53%	0.0%	(1,318)	(1,264)
12	SBT	13,088,635	10,574,870	2.46%	2.46%	0.00	483	591

13	TCH	10,235,440	10,139,900	2.36%	2.20%	-0.2%	(493,860)	(492,279)
14	KDC	3,866,080	6,979,098	1.62%	1.62%	0.0%	(10,657)	(5,836)
15	DPM	6,436,850	6,745,201	1.57%	1.57%	0.0%	3,061	2,917
16	NT2	4,566,009	6,634,301	1.54%	1.54%	0.0%	(10,023)	(6,719)
17	HAG	20,157,484	5,591,412	1.30%	1.30%	0.0%	(1,964)	(7,031)
18	HSG	4,728,867	5,111,555	1.19%	1.19%	0.0%	3,080	2,708
19	DXG	-	-	0.00%	1.00%	1.0%	3,112,594	2,114,796
Tổng		157,696,681.00	311,259,362.49	72.4%	72.4%		-	

Kịch bản 2: Quỹ thêm vào VRE và DXG và không loại bất cứ mã nào của Việt Nam

Ở kịch bản này, quỹ V.N.M sẽ giữ nguyên toàn bộ danh mục của cổ phiếu Việt Nam và thêm vào VRE với tỷ trọng 3%. Cổ phiếu này có triển vọng được vào rổ danh mục nhờ đạt trên mức yêu cầu về các yếu tố như vốn hóa, thanh khoản và free float dù bị hạn chế bởi thời gian niêm yết. DXG vẫn được cân nhắc thêm vào rổ danh mục với tỷ trọng 1%.

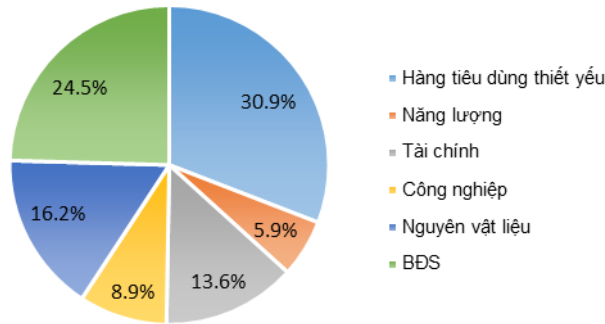
Cổ phiếu như VIC, NVL, ROS, HPG và VCB sẽ bị bán ròng nhiều nhất để tái cơ cấu danh mục. Với giả định tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam duy trì ở mức 72.4%, danh mục được dự báo sẽ thay đổi như sau:

#	Mã CK	SLCP đang nắm giữ	Giá trị thị trường (USD)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Tăng/ giảm tỷ trọng	Tăng/ giảm giá trị (USD)	Tăng/ giảm SLCP
1	VIC	9,234,712	36,797,354	8.56%	8.00%	-0.6%	(1,741,548)	(432,098)
2	NVL	8,964,560	31,852,767	7.41%	7.00%	-0.4%	(1,274,124)	(353,134)
3	VNM	3,457,090	30,595,063	7.12%	7.00%	-0.1%	(363,512)	(40,899)
4	MSN	7,468,240	28,936,473	6.73%	6.50%	-0.2%	(718,944)	(181,954)
5	VCB	9,655,542	28,398,648	6.61%	6.00%	-0.6%	(1,885,841)	(600,273)
6	ROS	3,908,988	24,422,571	5.68%	5.00%	-0.7%	(2,119,646)	(338,533)
8	SSI	13,236,781	20,048,667	4.66%	4.51%	-0.2%	(477,989)	(308,615)
7	HPG	8,019,958	20,798,502	4.84%	4.30%	-0.5%	(1,674,535)	(617,811)
10	BVH	4,397,126	15,488,292	3.60%	3.50%	-0.1%	(319,872)	(85,728)
9	VRE	-	-	0.00%	3.00%	3.0%	9,337,781	4,112,786
11	STB	15,893,322	11,266,400	2.62%	2.62%	0.0%	(2,189)	(3,024)
12	VCG	10,380,997	10,878,288	2.53%	2.53%	0.0%	(1,318)	(1,264)
13	SBT	13,088,635	10,574,870	2.46%	2.46%	0%	483	591
14	TCH	10,235,440	10,139,900	2.36%	2.20%	-0.2%	(493,860)	(492,279)
15	KDC	3,866,080	6,979,098	1.62%	1.62%	0.0%	(10,657)	(5,836)
16	DPM	6,436,850	6,745,201	1.57%	1.57%	0.0%	3,061	2,917
17	NT2	4,566,009	6,634,301	1.54%	1.54%	0.0%	(10,023)	(6,719)
18	HAG	20,157,484	5,591,412	1.30%	1.00%	-0.3%	(935,743)	(3,349,074)
19	HSG	4,728,867	5,111,555	1.19%	1.00%	-0.2%	(588,313)	(517,238)
20	DXG	-	-		1.00%	1.0%	3,112,594	2,114,796
Tổng		157,696,681.00	311,259,362.49	72.4%	72.4%			

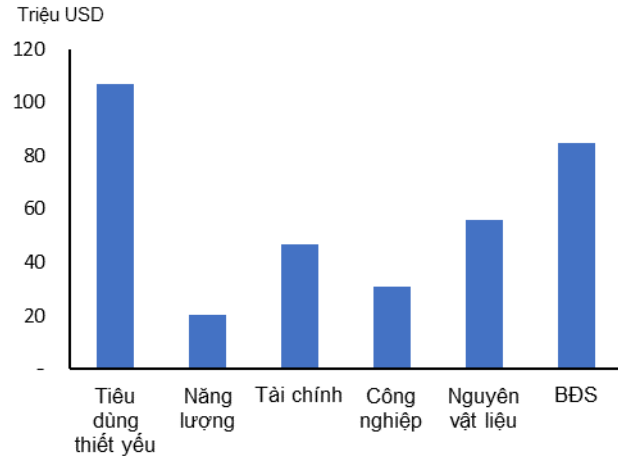
Tóm lại, chúng tôi cho rằng DXG và VRE là 2 ứng viên tiềm năng được bổ sung vào danh mục V.N.M trong kì Review này trong khi không mã nào bị loại ra.

II. FTSE Vietnam UCITS ETF

Hình 3: Top Industry Group Allocation



Hình 4: Giá trị vốn hóa theo nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KISV Research

Với số liệu được cập nhật đến ngày 23/02, chúng tôi cho rằng VRE sẽ là cổ phiếu thỏa mãn những tiêu chí sàng lọc về vốn hóa, thanh khoản, free float và room nước ngoài để được thêm vào rổ chỉ số. Mặc dù VRE mới được niêm yết vào tháng 11/2017, VRE đã thỏa điều kiện phụ của quỹ là giao dịch trên 3 tháng. Do đó, chúng tôi cho rằng VRE sẽ được thêm vào trong kỳ review tới với tỷ trọng được thêm vào được dự báo lần lượt là 6%, tương đương hơn 9 triệu cổ phiếu.

Ở chiều ngược lại, sẽ có những cổ phiếu bị loại ra khỏi danh mục khi không đáp ứng đủ các điều kiện như:

- GTN bị loại ra do không đáp ứng về kiện kiện về vốn hóa và thanh khoản
- Ngoài ra, FLC cũng có khả năng bị loại, mặc dù đáp ứng được các tiêu chí chính về vốn hóa, thanh khoản, free float hay room nước ngoài. Theo tiêu chí phụ của FTSE, một cổ phiếu phải có tỷ trọng vốn hóa theo Freefloat ít nhất là 0.5% so với rổ FTSE Việt Nam Index thì mới được giữ lại. Qua quá trình tính toán, chúng tôi nhận thấy FLC đang nằm dưới chuẩn trên nên khả năng FLC bị loại khỏi danh mục là điều có thể xảy ra. Hiện tại, tỷ trọng của FLC trong danh mục là tương đối thấp (chiếm 0.66%).

Bên cạnh việc thêm vào và loại ra thì quỹ nhiều khả năng sẽ cân nhắc mua thêm và bán ra các cổ phiếu còn lại trong danh mục để đảm bảo đủ cơ cấu danh mục. Với giả định tổng tài sản của quỹ vẫn giữ ở mức khoảng 345 triệu USD thì danh mục được dự báo sẽ thay đổi như sau:

#	Mã CK	SLCP đang nắm giữ	Giá trị thị trường (USD)	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	Tăng/ giảm tỷ trọng	Tăng/ giảm giá trị (USD)	Tăng/ giảm SLCP
1	VIC	13,469,687	53,672,366.55	15.53%	15.00%	-0.53%	(1,835,476.3)	(455,403)
2	VNM	5,126,728	45,371,269.28	13.13%	13.15%	0.02%	72,404.51	8,146.22
3	MSN	13,701,033	53,086,075.80	15.36%	13.00%	-2.36%	(8,160,770.9)	(2,065,366)
4	HPG	19,883,932	51,565,855.61	14.92%	13.00%	-1.92%	(6,640,550.74)	(2,449,997)
5	VCB	7,592,918	22,332,108.40	6.46%	6.50%	0.04%	130,544.04	41,552.86
6	VRE	-	-	0.00%	6.00%	6.00%	20,734,756.10	9,132,534.92
7	ROS	2,909,963	18,180,863.76	5.26%	5.30%	0.04%	134,837.46	21,535.14
8	NVL	5,664,298	20,126,315.12	5.82%	6.00%	0.18%	608,440.97	168,635
9	PLX	4,739,357	16,172,074.52	4.68%	4.70%	0.02%	70,151.09	19,231.89
10	SSI	9,441,076	14,299,624.19	4.14%	4.15%	0.01%	41,915.45	27,062.85
11	STB	14,473,476	10,259,904.76	2.97%	2.50%	-0.47%	(1,620,423.06)	(2,238,745)
12	HSG	4,161,349	4,498,110.74	1.30%	2.00%	0.70%	2,413,474.62	2,121,897.01
13	CII	3,807,752	6,102,597.32	1.77%	1.80%	0.03%	117,829.52	73,367.44
14	DXG	3,918,763	5,504,075.35	1.59%	1.60%	0.01%	25,193.94	17,117
15	BMP	1,066,365	4,192,778.81	1.21%	1.30%	0.09%	299,751.68	72,938.51
16	PVD	4,750,635	4,057,869.18	1.17%	1.30%	0.13%	434,661.31	476,074.58

17	SBT	6,813,095	5,504,591.74	1.59%	1.00%	-0.59%	(2,048,799.06)	(2,503,390)
18	KBC	5,658,178	3,238,654.46	0.94%	1.00%	0.06%	217,138.22	372,445.31
19	HBC	1,415,867	2,418,793.79	0.70%	0.80%	0.10%	345,840.35	199,997.80
20	GTN	5,215,946	2,698,457.52	0.78%	0.00%	-0.78%	(2,698,457.5)	(5,600,716)
21	FLC	8,947,988	2,296,881.38	0.66%	0.00%	-0.66%	(2,296,881.4)	(8,953,898)
Tổng		142,758,407	345,579,268	100.00%				

KHUYẾN CÁO

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.

LIÊN HỆ

HỘI SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Lầu 03, Tòa nhà TNR
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84-28) 3914 8585
Fax: (+84-8) 3821 6898

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Lầu 06, Tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84-24) 3974 4448
Fax : (+84-24) 3974 4501

PHÒNG GIAO DỊCH NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Địa chỉ: Lầu 03, 255-257 Nguyễn Tri Phương,
Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84-28) 7106 3555
Fax: (+84-28) 3957 4650

PHÒNG GIAO DỊCH BÀ TRIỆU

Địa chỉ: Lầu 06, 74 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84-24) 7106 3555
Fax : (+84-24) 3632 0809

PHÒNG GIAO DỊCH PHẠM NGỌC THẠCH

Địa chỉ: Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84-28) 7108 1188
Fax: (+84-28) 3820 9229

PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Địa chỉ: P. 504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tel (+84-24) 7108 1188
Fax : (+84-24) 3244 4150

PHÒNG PHÂN TÍCH

Trưởng phòng Phân tích Khối Vĩ mô & Tài chính
Bạch An Viễn
vien.ba@kisvn.vn

PHÒNG KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng Khách hàng Định chế
Lâm Hạnh Uyên
uyen.lh@kisvn.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô
Cáp Minh Quyền
quyen.cm@kisvn.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô
Nguyễn Đăng Huy
huy.nd@kisvn.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô
Dương Trung Kiên
kien.dt@kisvn.vn